Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 8537.20.11

Mã HS	8537.20.11
Mô tả hàng hóa	Bảng, panel, giá đỡ, bàn, tủ và các loại hộp và đế khác, được lắp với hai hoặc nhiều thiết bị thuộc nhóm 85.35 hoặc 85.36, dùng để điều khiển hoặc phân phối điện, kể cả các loại trên có lắp các dụng cụ hoặc thiết bị thuộc Chương 90, và các thiết bị điều khiển số, trừ các thiết bị chuyển mạch thuộc nhóm 85.17 / - Dùng cho điện áp trên 1.000 V: / - - Bảng chuyển mạch: / - - - Gắn với thiết bị điện để ngắt, nối hoặc bảo vệ mạch điện có điện áp từ 66 kV trở lên
Đơn vị	chiếc
Thời điểm tạo	31/10/2026 04:18:24
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/85372011/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	7.5	7,5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K15877
Thuế NK ưu đãi (MFN)	5	5%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N15877
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q15877
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0 (-KH, TH)	0% (trừ KH, TH)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	2.9	2,9%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E15214
ATIGA	2022	2022	0	AT!E15146
ATIGA	2023	2023	0	AT!F15146
ATIGA	2024	2024	0	AT!G15146
ATIGA	2025	2025	0	AT!H15146
ATIGA	2026	2026	0	AT!I15146
ATIGA	2027	2027	0	AT!J15146
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E15202
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F15202
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G15202
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H15202

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I15202
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J15202
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E15203
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F15203
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G15203
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H15203
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I15203
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J15203
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F15204
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H15152
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F15160
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G15160
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H15160
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I15160
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J15160
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K15160
VKFTA	2022	2022	0	VK!E15200
VKFTA	2023	2023	0	VK!F15200
VKFTA	2024	2024	0	VK!G15200
VKFTA	2025	2025	0	VK!H15200
VKFTA	2026	2026	0	VK!I15200
VKFTA	2027	2027	0	VK!J15200
VCFTA	2022	2022	5	VC!D15257
VCFTA	2023	2023	5	VC!E15257
VCFTA	2024	2024	0	VC!F15257
VCFTA	2025	2025	0	VC!G15257

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H15257
VCFTA	2027	2027	0	VC!I15257
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D15236
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E15236
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F15236
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G15236
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H15236
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I15236
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D15234
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E15234
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F15234
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G15234
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H15234
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I15234
EVFTA	2022	2022	2,5	EV-NK!D15240
EVFTA	2023	2023	1,6	EV-NK!E15240
EVFTA	2024	2024	0,8	EV-NK!F15240
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G15240
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H15240
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I15240
UKVFTA	2022	2022	2,5	UKV!D15239
UKVFTA	2023	2023	1,6	UKV!E15239
UKVFTA	2024	2024	0,8	UKV!F15239
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G15239
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H15239
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I15239

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D15230
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E15230
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F15230
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G15230
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H15230
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I15230
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J15230
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D15227
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E15227
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F15227
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G15227
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H15227
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I15227
RCEP B	2022	2022	0	B!D15227
RCEP B	2023	2023	0	B!E15227
RCEP B	2024	2024	0	B!F15227
RCEP B	2025	2025	0	B!G15227
RCEP B	2026	2026	0	B!H15227
RCEP B	2027	2027	0	B!I15227
RCEP C	2022	2022	0	C!D15227
RCEP C	2023	2023	0	C!E15227
RCEP C	2024	2024	0	C!F15227
RCEP C	2025	2025	0	C!G15227
RCEP C	2026	2026	0	C!H15227
RCEP C	2027	2027	0	C!I15227
RCEP D	2022	2022	0	D!D15226

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	0	D!E15226
RCEP D	2024	2024	0	D!F15226
RCEP D	2025	2025	0	D!G15226
RCEP D	2026	2026	0	D!H15226
RCEP D	2027	2027	0	D!I15226
RCEP E	2022	2022	0	E!D15230
RCEP E	2023	2023	0	E!E15230
RCEP E	2024	2024	0	E!F15230
RCEP E	2025	2025	0	E!G15230
RCEP E	2026	2026	0	E!H15230
RCEP E	2027	2027	0	E!I15230
RCEP F	2022	2022	0	F!D15227
RCEP F	2023	2023	0	F!E15227
RCEP F	2024	2024	0	F!F15227
RCEP F	2025	2025	0	F!G15227
RCEP F	2026	2026	0	F!H15227
RCEP F	2027	2027	0	F!I15227
VIFTA	2024	2024	4,3	VI!F14193
VIFTA	2025	2025	3.6	VI!G14193
VIFTA	2026	2026	2.9	VI!H14193
VIFTA	2027	2027	2.1	VI!I14193

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 8537.20 có 5 dòng thuế; dòng 8537.20.11 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Gắn với thiết bị điện để ngắt, nối hoặc bảo vệ mạch điện có điện áp từ 66 kV trở lên.	8537.20.19 Loại khác; 8537.20.21 Gắn với thiết bị điện để ngắt, nối hoặc bảo vệ mạch điện có điện áp từ 66 kV trở lên; 8537.20.29 Loại khác; 8537.20.90 Loại khác	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8537.20.11. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 5% của mã 8537.20.11 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N15877), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.